

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../2020/QH14

*(Dự thảo gửi
xin ý kiến ĐBQH)*

**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP SỐ 13/2012/QH13**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,
Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám
định tư pháp số 13/2012/QH13.*

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp số 13/2012/QH13:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 như sau:

Điều 2. Giải thích từ ngữ

“1. Giám định tư pháp là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động *khởi tố*, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trung cầu của cơ quan *có thẩm quyền* tiến hành tố tụng, người *có thẩm quyền* tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định theo quy định của Luật này.”¹

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Tuân thủ pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn, ***quy trình giám định***²”.

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau:

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

“3. *Có ý kéo dài thời gian thực hiện giám định hoặc lợi dụng việc trung cầu, yêu cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định để gây*

¹ Phần in *nghe* là nội dung sửa đổi, bổ sung do Chính phủ trình.

² Phần in ***đậm nghe*** là nội dung sửa đổi, bổ sung trên cơ sở tiếp thu ý kiến ĐBQH.

khó khăn, cản trở hoạt động tổ tụng.”

4.Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 8 như sau:

Điều 8. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp

“1. Văn bản đề nghị bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp.”

“3. Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp.

Đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sỹ quan quân đội, sỹ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp.”

5.Bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

Điều 9. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp

“4. Người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp thì được cấp thẻ giám định viên tư pháp.

Người có thẩm quyền bổ nhiệm giám định viên tư pháp được quy định tại khoản 1 Điều này có thẩm quyền cấp mới, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo quy định của Chính phủ.

Bộ Tư pháp ban hành thống nhất mẫu thẻ giám định viên tư pháp.”

6.Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 10 như sau:

Điều 10. Miễn nhiệm giám định viên tư pháp

“1. Các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này;
- b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này;
- c) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;
- d) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật này;
- đ) Có quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc từ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan **quản lý trực tiếp** có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về lao động;
- e) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ

chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp;

*g) Theo đề nghị của giám định viên tư pháp và được sự chấp thuận của cơ quan **quản lý trực tiếp**.*

2. Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp bao gồm:

a) Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức **quản lý trực tiếp** của giám định viên;

b) Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.”

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 11 như sau:

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp

“2. Từ chối giám định trong trường hợp nội dung cần giám định vượt quá khả năng chuyên môn; đối tượng giám định, các tài liệu liên quan được cung cấp không đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định *sau khi đã đề nghị người trung cầu, yêu cầu giám định bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng*; thời gian không đủ để thực hiện giám định hoặc có lý do chính đáng khác. Trường hợp từ chối giám định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu hoặc yêu cầu giám định phải thông báo cho người trung cầu, người yêu cầu giám định **lý do từ chối** bằng văn bản”.

8. Phương án 1: giữ nguyên Điều 12 như Luật hiện hành

8. Phương án 2: Bổ sung điểm d khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Tổ chức giám định tư pháp công lập về kỹ thuật hình sự bao gồm:

a) Viện khoa học hình sự thuộc Bộ Công an;

b) Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh;

c) Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng;

d) Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.”

9. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 15 như sau:

Điều 15. Điều kiện thành lập Văn phòng giám định tư pháp

“1. Giám định viên tư pháp được thành lập Văn phòng giám định tư pháp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có từ đủ 03 năm trở lên là giám định viên tư pháp trong lĩnh vực đề nghị thành lập Văn phòng;”

10. Sửa đổi Điều 20 như sau:

Điều 20. Công nhận và đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

“1. Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bộ, cơ quan ngang bộ khác, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn cá nhân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18, Điều 19 của Luật này để ra quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý để đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng.

Danh sách kèm theo thông tin về chuyên ngành giám định, kinh nghiệm, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của người **giám định tư pháp theo vụ việc**, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung và phải được bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, cập nhật.

2. Danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng lựa chọn, quyết định việc trưng cầu giám định.

Trong trường hợp đặc biệt, người trưng cầu giám định có thể trưng cầu cá nhân, tổ chức chuyên môn có đủ điều kiện không thuộc danh sách đã công bố để thực hiện giám định nhưng phải nêu rõ lý do trong quyết định trưng cầu.

Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, **Kiểm toán nhà nước**, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh có trách nhiệm giới thiệu cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện thực hiện giám định ngoài danh sách đã được công bố.”

11. Sửa đổi khoản 2 Điều 21 như sau:

Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của người trung cầu giám định tư pháp

“2. Người trung cầu giám định có nghĩa vụ:

a) *Xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định trong vụ án, vụ việc đang giải quyết; lựa chọn cá nhân hoặc tổ chức có năng lực, đủ điều kiện thực hiện giám định phù hợp với tính chất, yêu cầu của vụ việc cần giám định để ra quyết định trung cầu giám định;*

b) Ra quyết định trung cầu giám định bằng văn bản;

c) *Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp;*

d) *Tạm ứng, thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định;*

đ) *Thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người giám định hoặc người thân thích của người giám định khi có căn cứ xác định tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người giám định hoặc người thân thích của người giám định bị đe dọa do việc thực hiện giám định, tham gia vụ án, vụ việc với tư cách là người giám định”.*

12. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 23 như sau:

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của người giám định tư pháp khi thực hiện giám định tư pháp

“1. Người giám định tư pháp có quyền:

d) *Đề nghị người trung cầu giám định hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện biện pháp bảo vệ khi có dấu hiệu bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân mình hoặc người thân thích do việc thực hiện giám định, tham gia vụ án, vụ việc với tư cách là người giám định.”*

13. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 1, điểm a, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 24 như sau:

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức được trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp

“1. Tổ chức được trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp có quyền:

a) *Yêu cầu người trung cầu, người yêu cầu giám định cung cấp kịp*

thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật cần thiết cho việc giám định;

b) Từ chối tiếp nhận trung cầu, yêu cầu thực hiện giám định trong trường hợp nội dung trung cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn hoặc không có đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định; đối tượng giám định, tài liệu liên quan được cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định sau khi đã đề nghị người trung cầu, **người yêu cầu** giám định bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng; thời gian không đủ để thực hiện giám định; tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm;”

“2. Tổ chức được trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp có nghĩa vụ:

a) **Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được trung cầu, yêu cầu giám định phải** phân công người có trình độ chuyên môn, khả năng nghiệp vụ phù hợp với nội dung trung cầu, yêu cầu giám định, chịu trách nhiệm về năng lực chuyên môn của người đó và **thông báo cho người trung cầu, người yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định thời hạn ngắn hơn.**

Người đứng đầu tổ chức được trung cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức thực hiện giám định, trường hợp cần có từ 02 người trở lên thực hiện vụ việc giám định thì **phải** phân công người chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định;

b) Bảo đảm thời gian, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định.

Trong quá trình thực hiện giám định, nếu có nội dung mới hoặc vấn đề khác phát sinh thì tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải thông báo bằng văn bản cho người trung cầu, **người yêu cầu** giám định biết để thống nhất phương án giải quyết;

d) Trường hợp từ chối tiếp nhận trung cầu, yêu cầu giám định thì phải thông báo **lý do bằng** văn bản cho người trung cầu, **người yêu cầu** giám định biết trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu, yêu cầu giám định, **trừ trường hợp pháp luật có quy định thời hạn ngắn hơn.**”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

Điều 25. Trưng cầu giám định tư pháp

“1. Người trung cầu giám định quyết định trưng cầu giám định tư pháp bằng văn bản và gửi quyết định kèm theo đối tượng giám định, thông

tin, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) đến cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

2. Quyết định trưng cầu giám định phải có các nội dung sau đây:

a) Tên cơ quan trưng cầu giám định; họ, tên người có thẩm quyền trưng cầu giám định;

b) Tên tổ chức; họ, tên người được trưng cầu giám định;

c) Tên và đặc điểm của đối tượng cần giám định;

d) Tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

đ) Nội dung *chuyên môn của vấn đề cần giám định*;

e) Ngày, tháng, năm trưng cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định.

Trường hợp trưng cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại thì quyết định trưng cầu giám định phải ghi rõ là trưng cầu giám định bổ sung hoặc trưng cầu giám định lại và lý do của việc giám định bổ sung hoặc giám định lại.

3. Trong trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định trưng cầu giám định, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trao đổi với cá nhân, tổ chức dự kiến được trưng cầu giám định và cơ quan có liên quan về nội dung trưng cầu, thời hạn giám định, thông tin, tài liệu cần cho việc giám định và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).

4. Trường hợp nội dung cần giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực, thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức thì người trưng cầu giám định phải tách riêng từng nội dung để trưng cầu tổ chức có chuyên môn phù hợp thực hiện giám định.

Trường hợp các nội dung giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau, thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức mà việc tách riêng từng nội dung gây khó khăn cho việc thực hiện giám định hoặc kéo dài thời gian giám định thì người trưng cầu giám định phải xác định tổ chức chủ trì tổ chức việc giám định và tổ chức phối hợp cùng thực hiện giám định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu, tổ chức được trưng cầu phải có văn bản cử người giám định gửi người trưng cầu giám định; đối với tổ chức phối hợp thực hiện giám định thì còn phải gửi văn bản cử người giám định cho tổ chức chủ trì việc

thực hiện giám định.

Tổ chức chủ trì phải tổ chức ngay việc giám định sau khi nhận được văn bản cử người của tổ chức phối hợp thực hiện giám định. Việc giám định trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này. Kết luận giám định phải có xác nhận chữ ký của cơ quan, tổ chức cử người giám định.

Trường hợp phát sinh vướng mắc trong việc trưng cầu, phối hợp thực hiện giám định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chủ trì, phối hợp với tổ chức được trưng cầu để giải quyết.”

15. Bổ sung Điều 26a sau Điều 26 như sau:

“Điều 26a. Thời hạn giám định

1. Thời hạn giám định được tính từ ngày tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định nhận được quyết định trưng cầu giám định, văn bản yêu cầu giám định và kèm theo đầy đủ hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật cần thiết cho việc giám định.

Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp cần phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu làm cơ sở cho việc giám định thì tổ chức, cá nhân được trưng cầu có văn bản đề nghị người đã trưng cầu, yêu cầu giám định bổ sung. Thời gian từ khi tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định có văn bản đề nghị đến khi nhận được hồ sơ, tài liệu bổ sung không tính vào thời hạn giám định.

2. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp khác tối đa là 03 tháng. Trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn hoặc điều kiện thực hiện giám định có khó khăn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng.

Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp căn cứ vào thời hạn giám định tối đa và tính chất chuyên môn của lĩnh vực giám định quy định thời hạn giám định cho từng loại việc cụ thể. Thời hạn giám định có thể được gia hạn theo quyết định của cơ quan trưng cầu giám định nhưng không quá 1/2 thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

4. Người trưng cầu, yêu cầu giám định có thể thống nhất về thời hạn giám định với tổ chức, cá nhân được trưng cầu, yêu cầu giám định trước khi trưng cầu, yêu cầu giám định nhưng không được vượt quá thời hạn giám định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp có vấn đề phát sinh hoặc có cơ sở cho rằng vụ việc giám định không thể hoàn thành đúng thời hạn thì cá nhân, cơ quan, tổ chức thực hiện giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người trưng cầu, yêu cầu giám định biết và thời gian dự kiến hoàn thành, ra kết luận giám định.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

Điều 31. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp

“1. Người thực hiện giám định tư pháp phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ, trung thực bằng văn bản toàn bộ quá trình thực hiện giám định, kể từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành vụ việc giám định.

2. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định nêu rõ thời gian, địa điểm, nội dung công việc, tiến độ, kết quả thực hiện và phải có chữ ký của người thực hiện giám định tư pháp.

Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định phải được lưu trong hồ sơ giám định.”

17. Sửa đổi điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 32 như sau:

Điều 32. Kết luận giám định tư pháp

“1. Kết luận giám định tư pháp là nhận xét, đánh giá bằng văn bản của người giám định tư pháp về đối tượng giám định theo nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định. Kết luận giám định tư pháp phải có các nội dung sau đây:

g) Kết luận về đối tượng giám định phải rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn theo trưng cầu, yêu cầu giám định.”

“2. Bản kết luận giám định phải có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của người giám định tư pháp.

Trường hợp trưng cầu, yêu cầu tổ chức thực hiện giám định thì người đứng đầu tổ chức còn phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định và tổ chức được trưng cầu, yêu cầu chịu trách nhiệm về kết luận giám định.

Trường hợp Hội đồng giám định quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật này thực hiện giám định thì người có thẩm quyền quyết định thành lập

Hội đồng phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm về tư cách pháp lý của Hội đồng giám định.”

18. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 33 như sau:

Điều 33. Hồ sơ giám định tư pháp

“2. Hồ sơ giám định tư pháp phải được lập theo mẫu thống nhất.

Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm quy định chi tiết về mẫu, thành phần hồ sơ từng loại việc giám định và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Tổ chức được trưng cầu, thực hiện giám định tư pháp chịu trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định do người giám định thuộc tổ chức mình thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình.

Người thực hiện giám định có trách nhiệm bàn giao hồ sơ giám định cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Chi phí giám định tư pháp

1. Người trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định có trách nhiệm trả chi phí giám định tư pháp cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về chi phí giám định tư pháp.

2. Kinh phí thanh toán chi phí giám định mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm chi trả được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo dự toán hàng năm của cơ quan đó, được bố trí riêng để thực hiện nhiệm vụ giám định tư pháp”.

20. Bổ sung khoản 2 Điều 37 như sau:

“2. Việc thực hiện giám định tư pháp của công chức, viên chức, sỹ quan quân đội, sỹ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng là hoạt động công vụ. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm bảo đảm đủ thời gian và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định. Người thực hiện giám định được hưởng các chế độ, chính sách về lương, phụ cấp trách nhiệm, thi đua khen thưởng và các chế độ khác trong thời gian thực hiện giám định.

Người giám định tư pháp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc không do Nhà nước bảo đảm kinh

*phí hoạt động, tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp trên cơ sở thỏa thuận với người **trung cầu giám định**.*

3. Ngoài chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo vụ việc quy định tại khoản 1 Điều này, giám định viên tư pháp chuyên trách thuộc tổ chức giám định tư pháp công lập được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề và các phụ cấp khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

21. Sửa đổi Điều 38 như sau:

“Điều 38. Chính sách đối với hoạt động giám định tư pháp

1. Tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc có đóng góp tích cực cho hoạt động giám định tư pháp thì được tôn vinh, khen thưởng.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khả năng, điều kiện thực tế và thẩm quyền của mình quy định chế độ, chính sách khác để thu hút chuyên gia, tổ chức có năng lực tham gia hoạt động giám định tư pháp.

3. **Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.”**

22. Sửa đổi Điều 41 như sau:

Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp

“1. Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp ở lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý và hướng dẫn thi hành các văn bản đó.

2. Ban hành **quy trình giám định; ban hành hoặc** hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp; *căn cứ yêu cầu và tính chất đặc thù của lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý quy định cụ thể về thời hạn đối với từng loại việc giám định.*

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc quyết định thành lập, củng cố, kiện toàn tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Luật này; *phân công đơn vị đầu mối thuộc bộ, cơ quan ngang bộ giúp bộ, cơ quan ngang bộ trong việc quản lý chung công tác giám định tư pháp.*

4. Bổ nhiệm, *cấp thẻ giám định viên tư pháp*, miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo thẩm quyền; *công nhận* danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; ***đăng tải và cập nhật*** danh sách cá nhân, *tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành mình, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp.*

5. *Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm số lượng, chất lượng người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp; bảo đảm kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cần thiết khác cho cá nhân, tổ chức giám định thuộc bộ, ngành mình quản lý.*

6. *Hàng năm, đánh giá chất lượng hoạt động của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý.*

7. Quy định điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của Văn phòng giám định tư pháp, *tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc* ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp, kiến thức pháp luật cho đội ngũ người giám định tư pháp trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

9. Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý; phối hợp với Bộ Tư pháp trong công tác kiểm tra, thanh tra về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp theo quy định tại khoản 6 Điều 40 của Luật này.

10. Thực hiện hợp tác quốc tế về giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

11. *Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, tổng kết về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ.*”

23. Sửa đổi điểm đ, điểm h, bổ sung điểm i khoản 2, khoản 3 Điều 42 như sau:

“2. Bộ Công an có nhiệm vụ, quyền hạn:

đ) *Ban hành chỉ tiêu thống kê, thực hiện thống kê hàng năm về trung cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định, nhu cầu giám định* trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý;

h) Hàng năm, tổng kết và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, ***đồng thời***

gửi bộ, ngành có liên quan về tình hình trung cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo Công an cấp tỉnh gửi báo cáo về Sở Tư pháp, đồng thời gửi sở, ngành có liên quan về tình hình trung cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định, nhu cầu giám định ở địa phương;

i) Lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả chi phí giám định tư pháp; trường hợp kinh phí được cấp không đủ thì đề nghị cấp bổ sung để bảo đảm chi trả kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp.

3. Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm đ, e, g và i khoản 2 Điều này; ***hàng năm, tổng kết và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, đồng thời gửi bộ, ngành có liên quan về tình hình trung cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý***”.

24. Sửa đổi điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1, sửa đổi khoản 2 Điều 43 như sau:

Điều 43. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập; quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp;

b) Bổ nhiệm, *cấp thẻ*, miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo thẩm quyền; *công nhận* danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở địa phương; ***đăng tải và cập nhật*** danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp *trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp*;

c) Bảo đảm kinh phí, *trang thiết bị*, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cần thiết khác *cho cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý*;

d) *Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ người giám định tư pháp ở địa phương*;

đ) Hàng năm, đánh giá chất lượng hoạt động của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp ở địa phương theo quy định của Chính phủ và báo cáo kết quả cho Bộ Tư pháp.”

“2. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý

nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương; chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý về hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.

Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý nhà nước về lĩnh vực giám định tư pháp chuyên ngành, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp với Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trong quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương; *phân công đơn vị đầu mối giúp cơ quan chuyên môn trong việc quản lý công tác giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.*”

25.Sửa đổi khoản 2, khoản 4 Điều 44 như sau:

“2. Ban hành chỉ tiêu thống kê, thực hiện thống kê về trung cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và báo cáo Quốc hội trong báo cáo công tác hàng năm, đồng thời gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, bộ, ngành có liên quan; chỉ đạo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về Sở Tư pháp, đồng thời gửi sở, ngành có liên quan về tình hình trung cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định, nhu cầu giám định ở địa phương.”

“4. Lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả chi phí giám định tư pháp, chi phí tham dự phiên tòa của người giám định trong hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; trường hợp kinh phí được cấp không đủ thì đề nghị cấp bổ sung để bảo đảm chi trả kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp và chi phí tham dự phiên tòa của người giám định.”

26. Thay thế cụm từ “cơ quan tiến hành tố tụng” bằng cụm từ “cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng”; thay thế cụm từ “người tiến hành tố tụng” bằng cụm từ “người có thẩm quyền tiến hành tố tụng” trong Luật giám định tư pháp năm 2012.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân